TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1094/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Xuân H, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 4B, khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa;

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 4B, khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Xuân H trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và ông Đặng Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B,

tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 05/10/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Ông K nhiều lần xúc phạm bà làm cho bà cảm thấy bị bạo lực về tinh thần, hiện ông, bà không còn chung sống và chỉ liên lạc với nhau khi có các vấn đề liên quan đến con cái. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn K.

+ Về con chung: Bà và ông Đặng Văn K có 02 con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013 và Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013; yêu cầu giao cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015 cho ông Đặng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 18/11/2022, bị đơn ông Đặng Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như nguyên đơn trình bày là đúng, quá trình chung sống giữa ông, bà thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã; ông không đồng ý việc bà H thường hay đi chơi; bà H thường không đồng ý những việc ông nói và làm. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì không muốn gia đình tan vỡ và vẫn còn quan tâm đến bà H.

Về con chung: Ông và bà Phan Thị Xuân H có 02 con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013 và Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ông, bà ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét

xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cháu Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013 cho bà Phan Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015 cho ông Đặng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Phan Thị Xuân H khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Đặng Văn K có nơi cư trú tại Tổ 4, khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Nai nên xác định bà H là nguyên đơn, ông K là bị đơn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Phan Thị Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đặng Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông K.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Xuân H và ông Đặng Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 05/10/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông K là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Xuân H trình bày ông, bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Ông K nhiều lần xúc phạm bà làm cho bà cảm thấy bị bạo lực về tinh thần. Hiện nay ông, bà không còn chung sống và chỉ liên lạc với nhau khi có các vấn đề liên quan đến con cái. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông K chỉ đến Tòa án làm việc một lần, có ý kiến không đồng ý ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu

cầu bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng nhưng không trình bày số tiền cấp dưỡng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K đến Tòa án làm việc các nội dung liên quan đến vấn đề cấp dưỡng và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K; Tuy nhiên, ông K không có mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định ông K không mong muốn hàn gắn tình cảm hay tiếp tục xây dựng cuộc sống chung vợ chồng với bà H; Hôn nhân của bà H, ông K đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H, ông K được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà Hòa, ông K có 02 con chung là Đặng Phương T sinh ngày 04/6/2013 và Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013 và đề nghị giao cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015 cho ông Đặng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của con chung và yêu cầu của bà H phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời ông K cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013 cho bà Phan Thị Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015 cho ông Đặng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Xuân H với bị đơn ông Đặng Văn K về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con";

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Xuân H được ly hôn với ông Đặng Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 04/6/2013 cho bà Phan Thị Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Đặng Hồng N, sinh ngày 05/7/2015 cho ông Đặng Văn Ktrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Bà Phan Thị Xuân H và ông Đặng Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001871 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Thi hành bản án của Tòa án: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Trảng Bom;
- UBND TT Trảng Bom;
(số 140 ngày 05/10/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trinh